

Bản án số: 87/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 31-7-2019

*“V/v ly hôn, tranh chấp về
con chung khi ly hôn”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hữu Hiệu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Khóa và bà Dương Thị Kim Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Công - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Bà Đàm Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 137/2019/TLST-HNGĐ ngày 03/5/2019 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 137/2019/QĐST-HNGĐ ngày 26/6/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 137/2019/QĐST-HNGĐ ngày 15/7/2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Vũ Thị H, sinh ngày 22/11/1995.

Địa chỉ: Đội 3, thôn T, xã X, huyện G, tỉnh Hải Dương; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Phạm Văn T, sinh ngày 03/01/1992.

Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Thôn C, xã K, huyện G, tỉnh Hải Dương; nơi cư trú hiện nay: Nhật Bản; đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn là chị Vũ Thị H trình bày: Chị H và anh T được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 02/12/2013 tại UBND xã K, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống tại nhà anh T đến tháng 6/2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất

đồng về quan điểm sống. Trước khi cưới, gia đình anh T có vay nợ 600.000.000 đồng nhưng không nói cho chị biết. Anh T đi lao động tại Nhật Bản từ năm 2016 nhưng không gửi tiền về cho chị nuôi con mà dùng để trả nợ. Do mâu thuẫn về kinh tế nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng không còn liên lạc với nhau. Chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Phạm Thị Quỳnh C, sinh ngày 26/7/2015, hiện đang ở cùng chị H. Khi ly hôn, chị H đề nghị được trực tiếp nuôi con chung và tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các biên bản lấy lời khai ngày 16/5/2019 và ngày 05/6/2019, bà Phạm Thị T2 là mẹ đẻ anh T trình bày: Anh T đi lao động tại Nhật Bản từ năm 2016, khoảng tháng 01/2019 chị H đã về nhà mẹ đẻ sinh sống. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh T và chị H như thế nào, bà T2 không biết. Anh T vẫn thường liên lạc về với bà qua điện thoại. Bà đã thông báo cho anh T biết việc Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đang thụ lý và giải quyết vụ án ly hôn giữa chị H và anh T. Anh T có nói với bà anh đồng ý ly hôn với chị H và đồng ý giao con chung cho chị H nuôi dưỡng. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết. Do công việc ở Nhật Bản rất bận nên anh T không gửi được văn bản nêu ý kiến về các yêu cầu khởi kiện chị H cho Tòa án. Bà T2 từ chối cung cấp địa chỉ của anh T tại Nhật Bản.

- Tại công văn số 8298/QLXNC-P5 ngày 23/5/2019, Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ công an cung cấp: Anh Phạm Văn T xuất cảnh ngày 27/12/2016, chưa có thông tin nhập cảnh.

Tại phiên tòa, chị H có đơn xin xét xử vắng mặt. Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để yêu cầu nguyên đơn tiếp tục cung cấp địa chỉ của bị đơn đến hết thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại khoản 2 Điều 476 Bộ luật Tố tụng dân sự mới giải quyết vụ án. Kiểm sát viên không phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Chị Vũ Thị H khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn đối với anh Phạm Văn T có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú trước khi xuất cảnh tại huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương, hiện đang cư trú tại Nhật Bản nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương theo quy

định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, Điều 39, Điều 464 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình chuẩn bị xét xử, Tòa án đã yêu cầu chị H cung cấp địa chỉ của anh T ở nước ngoài nhưng chị H có văn bản xác định không thể cung cấp cho Tòa án địa chỉ cụ thể của anh T ở Nhật Bản, do anh T và bố mẹ anh T không cung cấp cho chị mặc dù chị đã yêu cầu. Tòa án đã nhiều lần yêu cầu bà Phạm Thị T2 là mẹ đẻ của anh T cung cấp địa chỉ của anh T ở nước ngoài nhưng bà T2 xác định anh T đã biết việc Tòa án thụ lý giải quyết yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn theo đơn khởi kiện của chị H, bà T2 từ chối cung cấp địa chỉ của anh T cho Tòa án. Như vậy, có căn cứ xác định anh T là bị đơn cố ý giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Do đó, việc tiếp tục yêu cầu đương sự cung cấp địa chỉ của anh T ở nước ngoài đến khi hết thời hạn chuẩn bị xét xử theo yêu cầu của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tại Yêu cầu xác minh thu thập chứng cứ số 39/YC-VKS-DS ngày 15/7/2019 và tại phiên tòa là không cần thiết nên không được chấp nhận. Tòa án căn cứ Điều 177, Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự và hướng dẫn tại Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Do chị H là nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, anh T là bị đơn cố ý giấu địa chỉ nên căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị H và anh Phạm Văn T kết hôn tự nguyện, đủ điều kiện kết hôn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Gia Khánh, huyện Gia Lộc nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Từ tháng 6 năm 2018, chị H và anh T có mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống và cách thức phát triển kinh tế gia đình, chị H đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, anh chị không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Theo bà T2 là mẹ đẻ anh T, dù không gửi được văn bản thể hiện ý kiến về yêu cầu khởi kiện của chị H cho Tòa án, nhưng anh T có nói với bà là anh đồng ý ly hôn chị H. Như vậy, có căn cứ xác định mâu thuẫn giữa anh T và chị H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H về việc xin ly hôn anh T theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị H và anh T có 01 con chung là Phạm Thị Quỳnh C, sinh ngày 26/7/2015 hiện đang ở cùng chị H. Do anh T đang ở Nhật Bản không có điều kiện trực tiếp nuôi dưỡng con chung nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, giao con chung của anh chị cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với điều kiện thực tế của anh chị và đảm bảo quyền lợi của con chung theo Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình. Chị H tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung nên được chấp nhận.

[3] Về án phí: Chị H là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, Điều 39, Điều 464, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Vũ Thị H được ly hôn anh Phạm Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung là Phạm Thị Quỳnh C, sinh ngày 26/7/2015 cho chị Vũ Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H về việc không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về án phí: Chị Vũ Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn, được đối trừ vào số tiền 300.000 đồng chị H đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2017/0007390 ngày 16/4/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương, chị H đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết. Bị đơn ở nước ngoài có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- UBND xã K, huyện Gia Lộc;
- Lưu: Hồ sơ, TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Hữu Hiệu